

Quan Họ Bắc Ninh

Sao Khuê

Vào lúc 16h55 ngày 30/9/2009 tại thủ đô Abu Dhabi của các tiểu vương quốc Ả Rập thống nhất, Ủy ban UNESCO đã công nhận quan họ Bắc Ninh là di sản văn hóa của nhân loại dựa trên các giá trị văn hóa, giá trị lưu giữ tập quán xã hội, nghệ thuật trình diễn, phong cách ứng xử văn hóa, ca từ và trang phục.



Phạm vi công nhận chính thức gồm có 49 làng quan họ phân bố như sau: tỉnh Bắc Giang có 5 làng là Hữu Nghị, Giá Sơn, Mai Vũ, Nội Ninh, Sen Hồ; tỉnh Bắc Ninh có 44 làng là: Bái Uyên, Duệ Đông, Hạ Giang, Hoài Thị, Hoài Trung, Lũng Giang (Lim), Lũng Sơn, Ngang Nội, Vân Khám, Tam Sơn, Tiêu, Đông Mai, Đông Yên, Bồ Sơn, Châm Khê, Cổ Mễ, Dương Ổ, Đẩu Hàn, Điều Thôn, Đông Xá, Đỗ Xá, Hòa Đình, Hữu Chấp, Khả Lễ, Khúc Toại, Ném Đoài, Ném Sơn, Ném Tiên, Niềm Xá, Phúc Sơn, Thanh Sơn, Thị Chung, Thị Cầu, Thọ Ninh,

Thượng Đồng, Trà Xuyên, Vệ An, Viêm Xá, Xuân Ái, Xuân Đồng, Xuân Ổ, Xuân Viên, Y Na, Yên Mẫn.

Vậy quan họ là gì ?

A. Truyền thuyết: Thời vua Gia Long có hai họ quan người làng Diềm và làng Bịu kết bạn với nhau tổ chức ca hát sau đó lối ca hát này truyền ra ngoài nên mang tên hát quan họ.

B. Quan họ là loại dân ca phong phú nhất về mặt giai điệu trong kho tàng dân ca Việt Nam, truyền từ đời này sang đời khác bằng cách truyền khẩu ở vùng đồng bằng miền Bắc, tập trung ở vùng Kinh Bắc (Bắc Ninh và Bắc Giang). Dân ca quan họ là hát đối đáp nam, nữ. Họ hát quan họ vào mùa xuân, mùa thu khi có lễ hội hay khi có bạn bè. Một cặp nữ của làng này hát với một cặp nam của làng kia với một bài hát cùng giai điệu, khác về lời ca và đối giọng. Cặp hát phân công người hát dẫn, người hát luôn nhưng giọng hát của hai người phải hợp thành một giọng. Họ hát những bài ca mà lời là thơ, ca dao và có từ ngữ trong sáng, mẫu mực thể hiện tình yêu lứa đôi, không có nhạc đệm kèm theo. Khi hát hai bên hát với nhau, bên hát trước giọng nào thì bên sau phải theo giọng nấy để trả lời và phải theo cho đúng như thể mới gọi là đối chọi, không đối được là tỏ ra cái kém cỏi của mình.

* Có 4 giọng chính:

- Giọng sống (transitor air)
- Giọng vặt (diverse air)
- Giọng hãm (recitative air)
- Giọng bĩ (tunes borrowed from other sources)

Những lối hát quan họ:

- Quan họ cầu đảo: tại làng Diềm cầu cho nhà nông khi bị hạn hán tại đền Vua Bà tức TỐI LINH THƯỢNG ĐẲNG THẦN HAY ĐẠI VƯƠNG NAM HẢI tức thần Nước.
- Quan họ trùm đầu: tại làng Diềm vào những tuần trăng sáng mùa thu theo đó khi hát thì trùm đầu bằng áo hay khăn nên được hát tự do cử chỉ cũng tự do.
- Quan họ Hiếu: tại làng Lũng Giang (làng Lim) và Tam Sơn là hai làng kết chạ, cầu cho lúa tốt, cây xanh, nước trong và hát khúc Nhị Thập Tứ Hiếu.
- Quan họ kết chạ: kết chạ có ăn giải thưởng tại làng Bồ Sơn trong 3 ngày từ 10 tháng giêng đến 12 tháng giêng âm lịch

4 kỹ thuật: Vang, rền nền, nảy.

4 hình thức chính:

- Hát canh = hát tại nhà giữa hai nhóm quan họ



- Hát hội = hát ở hội thi lấy giải
- Hát mừng = hát ở đám
- Hát cầu = hát ở cửa đình cửa đền

Tục lệ quan họ

Hát quan họ gắn liền với tục kết chạ, tục kết bạn giữa các bọn quan họ, tục "ngủ bọn". Đầu tiên là tập quán "kết chạ" giữa các làng quan họ. Từ tục "kết chạ", trong các "bọn" quan họ xuất hiện một tập quán xã hội đặc biệt là tục kết bạn quan họ. Mỗi "bọn" quan họ của một làng đều kết bạn với một "bọn" quan họ ở làng khác theo nguyên tắc quan họ nam kết bạn với quan họ nữ và ngược lại. Với các làng đã "kết chạ", trai gái trong các "bọn" quan họ đã kết bạn không được cưới nhau.

Một điểm khác biệt của quan họ Bắc Ninh so với các loại dân ca khác ở Việt Nam là tục "ngủ bọn". Sau một ngày làm việc, "bọn" quan họ, nhất là thiếu niên nam, nữ từ 9 đến 17 tuổi thường rủ nhau "ngủ bọn" ở nhà ông-bà Trùm để tập nói năng, ứng xử, giao tiếp, học câu, luyện giọng, và nhất là phải biết bẻ giọng, ứng đối kịp thời. Yêu cầu đặt ra với tục "ngủ bọn" là "liền anh" và "liền chị" phải ghép đôi và luyện sao cho từng đôi một thật hợp giọng nhau để đi hát.

Muốn hát quan họ phải có "bọn": "bọn nam" hoặc "bọn nữ". Trong một làng quan họ thường có nhiều "bọn nam" và "bọn nữ". Mỗi "bọn" thường có 4, 5, 6 người được đặt tên theo thứ tự: chị Hai, Ba, Tư, Năm, Sáu hoặc anh Hai, Ba, Tư, Năm, Sáu. Nếu số người đông tới 7, 8 người thì đặt tên là chị Ba, chị Tư (bé) hoặc anh Ba, anh Tư (bé)... mà không đặt chị Bảy, Tám hay anh Bảy, Tám. Trong các sinh hoạt quan họ, các thành viên của "bọn" quan họ không gọi nhau bằng tên thật mà gọi theo tên đặt trong "bọn".

C. Âm Thực Quan Họ.



Trầu quan họ thì phải là trầu tằm cánh phượng hoặc trầu tằm cánh quế, chè phải là chè Thái Nguyên.

Cơm quan họ dùng mâm đan nghĩa là mâm gỗ tròn sơn đỏ, còn gọi là "mâm sơn", vừa trang trọng vừa thể hiện tình cảm thắm thiết của chủ nhà đối với khách. Các món ăn trong bữa cơm phụ thuộc vào tập quán của từng làng nhưng phải có một đĩa thịt gà, hai đĩa giò lụa, thịt lợn nạc, đặc biệt không dùng thức ăn nhiều mỡ để tránh hỏng giọng.



Mâm cơm quan họ



Thi nấu cơm quan họ



D. Y phục quan họ

Y phục của "liền anh" và "liền chị" có sự khác biệt. Y phục của "liền chị" gồm nón ba tầm hoặc nón thúng quai thao, khăn vấn và khăn mỏ quạ, yếm đào xẻ con nhọn, áo tứ thân nhiều điều nhiều tía, váy, thắt lưng, dép.



Chiếc nón quai thao đi kèm với bộ áo mớ ba (3 áo), mớ bảy (7 áo) màu hoa đào, màu hoa hiên, màu xanh thiên lý hay màu vàng chanh của những lớp áo trong. Phía dưới, các quý bà, quý cô thường mặc váy lưới trai bẫy bức bằng lĩnh hay sồi đen buông chấm gót, làm nền cho những dải thắt lưng cánh sen hay mỡ gà thắt nút so le rủ xuống, đong đưa mỗi khi cơn gió thoảng qua. Các cô còn vấn khăn nhiều tím hay đen, vắt cao lọn tóc đuôi gà dài óng ả, bên mình là bộ xà tích kèm ống vôi quả đào bằng bạc và con dao gấp xinh xinh, vừa để trang sức lại vừa để tằm trà, bỗ cau... Và bộ trang phục này càng thêm hài hòa khi các cô xỏ chân vào đôi dép cong da trâu, hay đôi guốc gỗ cong sơn then quai bằng da hoặc sợi mây.

Y phục của "liền anh" gồm khăn xếp, ô lục soạn, áo cánh bên trong và áo dài 5 thân bên ngoài, quần, dép. Liền anh mặc áo dài 5 thân, cổ đứng, có lá sen, viền tà, gấu to, dài tới quá đầu gối. Thường bên trong mặc một hoặc hai áo cánh, sau đó đến hai áo dài. Riêng áo dài bên ngoài thường màu đen, chất liệu là lương, the, hoặc đối với người khá giả hơn thì áo ngoài may bằng đoạn màu đen, cũng có người áo dài phủ ngoài may hai lần với một lần ngoài bằng lương hoặc the, đoạn, lần trong bằng lụa mỏng màu xanh cốm, xanh lá mạ non, màu vàng chanh... gọi là áo kép. Quần của liền anh là quần dài trắng, ống rộng, may kiểu có chân què dài tới mắt cá chân, chất liệu may quần cũng bằng diêm bầu, phin, trúc bầu, hoặc lụa trụi màu mỡ gà. Có thắt lưng nhỏ để thắt chặt cặp quần. Đầu liền anh đội nhiều quán hoặc khăn xếp. Thời trước, đàn ông còn nhiều người búi tóc nên phải vấn tóc bằng khăn nhiều. Sau này phần nhiều cắt tóc, rẽ đường ngôi nên chuyển sang dùng loại khăn xếp bán sẵn ở các cửa hàng cho tiện.



Trong các lễ hội quan họ có cả những cuộc thi trang phục quan họ.



E. Lối ca quan họ

Dân ca quan họ chủ yếu là nghệ thuật phổ lời ca dao và thơ. Nghệ thuật này đòi hỏi phải sử dụng những tiếng phụ, lời phụ bên cạnh những tiếng chính, lời chính nhằm làm cho tiếng hát trôi chảy, bổ sung ý nghĩa cho lời ca chính, làm cho lời ca thêm phong phú, linh hoạt, tăng nhạc tính của bài ca, phát triển giai điệu, làm cho âm nhạc của bài ca trở nên sinh động, bố cục trở nên hợp lý. Không dùng tiếng phụ, lời phụ, lời ca để đơn điệu, mất cân đối.

Chuyển điệu thức là hiện tượng đặc biệt của Dân ca quan họ với 2 hình thức: cách biệt và nối liền. Nghệ nhân ghép hai, ba âm giai ngũ cung trong một bài hát, đã khéo vận dụng nhiều dạng điệu thức khác nhau. Duy trì ở một mức độ nhất định lối cấu trúc mở, họ đã kết hợp một số mô hình cấu trúc tương phản và những thủ pháp

đơn điệu, chuyển điệu trong cùng một hệ thống ngũ cung hoặc chuyển hệ để phá vỡ sự đơn điệu trong một bài.



Khi hát họ sử dụng những thể thơ và ca dao nhất định của người Việt, phần lớn là thể lục bát, lục bát biến thể, bốn từ hoặc bốn từ hỗn hợp. Lời các bài ca quan họ đều là những câu thơ, ca dao được trau chuốt, từ ngữ trong sang, mẫu mực. Những bài ca quan họ cũng được sáng tạo ngẫu hứng trong các kỳ hội làng, hoặc ứng tác ngay trong một cuộc thi tranh giải của làng. Nội dung các bài ca thể hiện các trạng thái tình cảm của con người: nhớ nhung, buồn bã khi chia xa, sự vui mừng khi gặp lại của những người yêu nhau, mà không được cưới nhau theo quy định của những tập quán xã hội bằng một ngôn ngữ giàu tính ẩn dụ.

Dân ca quan họ có 213 giọng khác nhau, với trên 500 bài ca.

Lời một bài ca có hai phần: lời chính và lời phụ. Lời chính là thể thơ và ca dao của Việt Nam, phần lớn là thể lục bát, lục bát biến thể, bốn từ hoặc bốn từ hỗn hợp với từ ngữ giàu tính ẩn dụ, trong sáng, mẫu mực. Đây là phần cốt lõi, phản ánh nội dung của bài ca là thể hiện tình yêu lứa đôi. Lời phụ gồm tất cả những tiếng nằm ngoài lời ca chính, là tiếng đệm, tiếng đưa hơi như i hi, ư hự, a ha v...v...

Lời cũng được lấy từ những tác phẩm văn học như Tống Trân Cúc Hoa, Lục Vân tiên, Nhị Độ Mai, Nữ Tú Tài, Sơ Kính Tân Trang ... và nhất là Truyện Kiều.

Truyện Kiều anh thuộc đã lâu

Đó anh kể được hai câu năm chữ “này” [hay năm người]

hoặc

Truyện Kiều anh đã thuộc lòng

Đó anh kể được hai dòng toàn nô

Thì câu trả lời đều là:

*Này chồng, này mẹ này cha
Này là em ruột này là em dâu*

Truyện Kiều anh đã thuộc thông

Đó anh kể được hai dòng toà nhỏ

Hồ công quyết kể thừa cơ

Lễ tiên binh hậu, khắc cờ lập công

Truyện Kiều anh thuộc đã lâu

Đó anh kể được một câu mười người

Hai bên mười vị tướng quân

Đặt gươm cỡi giáp trước sân khấu đầu

Truyện Kiều anh thuộc đã lâu

Đó anh đọc được hai câu hết Kiều

Trăm năm trong cõi người ta

Mua vui cũng được một vài trống canh

Truyện Kiều anh thuộc từng vản

Đó anh kể được ba lần trăm năm

Trăm năm trong cõi người ta

Chữ tài chữ mệnh khéo là ghét nhau

Rằng trăm năm cũng từ đây

Của tin gọi một chút này làm ghi

Người đâu gặp gỡ làm chi
Trăm năm biết có duyên gì hay không

Truyện Kiều anh thuộc đã nhiều
Đố anh kể được câu Kiều mười cho
Làm cho cho mệt cho mê
Làm cho đau đớn ê chề cho coi
Đã cho lấy chữ hồng nhan
Làm cho cho hại cho tàn cho cân!

Thấy em hay đọc truyện Kiều
Cho nên anh hỏi mấy điều xem sao
Kiều, Vân em chị thế nào
Tuổi ai hơn kém, má đào giỏi giang

Hỏi chi ngoắt ghé hời chàng
Thúy Kiều là chị rõ ràng hẳn hoi
Hai người cùng đẻ sinh đôi
Chàng xem trong truyện chàng thời hiểu ra
Đầu lòng hai ả Tố Nga
Thúy Kiều là chị em là Thuý Vân
Hai người một tuổi một năm
Lấy đâu hơn kém mà thăm hỏi dò
Kiều càng sắc sảo mặn mà
Cho nên bạc mệnh ai mà chẳng hay

Truyện Lục Vân Tiên:

Trai thì trung hiếu làm đầu
Gái thì tiết hạnh là câu trau mình

Sơ Kính Tân Trang

Bốn chúng tôi quyến bạn yên hà
Say sưa đồng quyến la đà xuân phong.....

Văn thể của Hát Quan họ tuy là lối lục bát, nhưng khi hát, vì những chỗ lên xuống trầm bổng, vì những nhu cầu của sự chuyển giọng, chuyển lời nên loại dân ca này có mang vài đặc tính là bài hát bao giờ cũng có thêm vào nhiều tiếng không có trong nguyên văn. Đó là những tiếng vô nghĩa, hoặc những chữ hát chệch hẳn đi, những tiếng dùng để đưa hơi như; y, a, ư, ô, ơ, ha, ối, ý, này, a, i, ì.v.v.v...Nhờ những tiếng đệm, tiếng lách lộn lại như thế mà tính chất nhịp điệu của tiết tấu câu thơ lục bát được thay đổi luôn, trở nên phong phú vô cùng.

Ví dụ bài trống cơm:

“Trống cơm khéo vỗ nên bông,
Một bầy con nít lội sông đi tìm.
Thương ai con mắt lim dim
Một bầy con nhện giăng tơ đi tìm.
Thương ai duyên nợ tang bông”

Khi trở thành bài hát Quan họ Bắc Ninh là:

(Tình bằng có cái) trống cơm (khen ai) khéo vỗ (ổ mấy bông) nên bông.
Một bầy (tang tình) con nít (ổ mấy lội) lội sông (ổ mấy) đi tìm.
(em nhớ) thương ai (đôi) con mắt (ổ mấy) lim dim
Một bầy(tang tình) con nhện (ớ ở ở ổ mấy) giăng tơ (giăng tơ ổ mấy) đi tìm.
(em nhớ) thương ai duyên nợ (khách) tang bông.

Đó là chưa kể đến chỗ hát lại hai lần như phần đầu câu 2 và ở cuối câu 1,2,3,5.

Ngoài ra những tiếng đưa hơi, tiếng đệm, tiếng láy, có khi trong bài hát có cả những tiếng dùng để ghi hệ thống âm giai của cổ nhạc là: Hò, xàng, xư, xê, cồng.

Ví dụ như bài “Xe chỉ luồn kim”

“May quần tình chung là vuông nhiễu tím (í a, í a)

Gởi ra (gởi ra chồng) cho chồng.

Ừ xàng, ừ xàng u cái liu

F. Đặc Thù Của Quan Họ

Hát chia làm từng bên.

Mỗi bên, trai hay gái phải có ít nhất 4 người để thay phiên nhau hát vì hát rất hao hơi. Quan họ phải hát giọng đôi, nghĩa là hai người hát cùng một lúc, một người “dẫn” (chính) và một người luồn (phụ). Mỗi bên Quan họ có một người đứng đầu đại diện và được tôn làm Chị hai, Anh hai. Những người khác cứ theo thứ tự hát hay, hát kém mà lấy tên anh ba, anh tư, chị ba, chị tư. Chỉ cần bốn người hát được, còn bao nhiêu dựa vào cho đồng cũng không sao.

Trai gái hát Quan họ không sống nghề về hát

không thể gọi là những người hát chuyên nghiệp nhưng không phải bất cứ ai ai cũng có thể hát được Quan họ. Muốn hát Quan họ phải có nhiều điều kiện, phải có giọng tốt, phải chịu khó luyện tập, phải có trí nhớ và ít nhiều thông minh, nghĩa là có ít nhiều tài đối đáp, biết bình tĩnh để trả lời người đối diện không những trong ý câu hát mà nhất là trong giọng bài hát. Tình bạn hữu, tình anh em giữa những người cùng chung “gia đình” Quan họ thật thân thiết. Họ coi cha mẹ của nhau như cha mẹ của mình. Những dịp hiếu hỉ, buồn vui, họ đều đến thăm hỏi, cha mẹ bạn có yếu đau họ tìm đến chăm sóc an ủi.

Cũng như hầu hết các loại dân ca trữ tình ở Việt nam, hát Quan họ vay mượn nhiều ở phong dao. Hầu hết các bài Quan họ đều theo thể lục bát biến thể. Đó là những bài tình ca do nam nữ thanh niên Bắc Ninh hát lên để ca tụng tình yêu, nói lên những oán trách, hờn ghen và giận tui về yêu đương hoặc biểu lộ những tâm tình sôi sục yêu đương.

Hát quan họ là hình thức hát đôi đồng giọng:

người hát dẫn, người hát luồn, hát đối đáp dẫn giọng, luồn giọng một cách điều luyện. Giọng của hai người hát cặp với nhau phải tương hợp đến mức hai giọng trở thành một để tạo ra một âm thanh thống nhất. Có 4 kỹ thuật hát quan họ là: nền, rền, vang, nảy nhưng hát quan họ không chỉ đòi hỏi hát tròn vành, rõ chữ, mượt mà, duyên dáng mà còn bằng nhiều kỹ thuật như: rung, ngân, luyến, láy mà còn phải hát nảy hạt. Kỹ thuật nảy hạt của các nghệ nhân quan họ tuy có nét chung với lối hát chèo và ca trù nhưng lại rất riêng, khó lẫn. Tùy theo cảm hứng và thị hiếu của người hát, những hạt nảy có thể lớn nhỏ về cường độ.

Khác biệt của Dân ca quan họ Bắc Ninh

so với các loại hình dân ca ở Việt Nam trong việc truyền dạy là tục ngủ bọn. Sau một ngày lao động, đêm đến, bọn quan họ, nhất là thiếu niên nam, nữ từ 9 đến 16, 17 tuổi thường rủ nhau ngủ bọn nhà ông/bà Trùm để học câu, luyện giọng: phải học đủ lối, đủ câu, luyện giọng sao cho vang, rền, nền, nảy, tập nói năng, ứng xử, giao tiếp và phải biết đặt câu, bẻ giọng, ứng đối kịp thời. Yêu cầu đặt với tục ngủ bọn là liền anh/liền chị phải ghép và luyện sao cho từng đôi một thật hợp giọng nhau để đi hát.

Tính chất trữ tình của các điệu hát ấy có thể chia thành nhiều loại.

Loại có tính chất nhẹ nhàng, chân thật vui tươi, cởi mở, hoạt bát, thoải mái. Có loại bài có tính chất bày tỏ, tin tưởng lạc quan, yêu đời, triu mến. Có loại tình tứ, duyên dáng, thắm thiết say sưa. Có loại mang tính chất vui tươi nửa trào phúng, nửa tình tứ một cách ý nhị. Có loại đượm nỗi nhớ nhung, trách móc. Trong các bài Quan họ nhiều nhất là những bài để tỏ tình. Rất ít bài nói lên sự thất tình. Nhưng trong sự tỏ tình có nhiều hình thức: khi thổ lộ tâm tình, khi thăm dò lòng bạn, khi hy vọng, mong mỏi nhớ nhung người tình, khi



trách hờn giận, ghen tuông người tình; nhưng rút cuộc những câu thổ lộ tâm sự cũng là để thăm dò tình bạn là nhiều hơn cả. Ví dụ:

*“Anh như cây gỗ xoan đào,
Em như câu đối dán vào nên chăng?”
“Em như cây cảnh trên chùa,
Anh như con bướm đậu nhờ nên chăng?”*

G. Hát Quan Họ Lúc Nào? Ở Đâu?

Ngày xưa trai gái vùng Bắc Ninh có thể hát bài quan họ quanh năm. Mỗi khi có dịp lễ là họ mời nhau đến hát, ban đêm không có việc gì, họ cũng rủ nhau đến một làng nào đó trong vùng để cùng nhau vui hát.. Nhưng hát Quan họ đặc biệt thịnh hành vào mùa thu tháng tám, và nhất là vào tiết mùa xuân trong ba tháng giêng, hai, ba... Dịp hát quan trọng nhất là những dịp đám cưới, đám khao, đám giỗ, đám hội.

Hát Quan họ là lối hát không dính dáng đến lao động, trái với nhiều loại dân ca khác như hò hát, ví, vì thế không hát ở ngoài đồng trong khi làm lụng mà có thể hát tại nhà trong các dịp cưới hỏi, giỗ, khao... hay sau khi hát ở hội đình, hội chùa rồi mời nhau về nhà. Tại nhà có khi liền chị ngồi trong nhà hát ra, và liền anh trên bờ hát vọng xuống. Có khi họ cùng ngồi trong thuyền trên mặt hồ để vui hát trong một đêm hè hay một chiều thu.

Có đến 100 bài ca nói đến thuyền bè bến nước trong 500 bài dân ca quan họ:

*Thuyền ơi có nhớ bến không
Bến thì một dạ khăng khăng nhớ thuyền*

hay

*Ngồi tựa mạn thuyền
Trăng in mặt nước
Càng nhìn non nước càng xinh
Sơn thủy hữu tình
Thơ ngâm ngoài lái
Rượu bình giải trí trong khoang*

Tại hội đình trai gái hát trước bàn thờ Thành hoàng. Lắm khi các bài hát, lúc đầu chỉ có tính chất tôn giáo một ít, còn về sau đều có tính chất tình tứ. Tại hội chùa, họ hát trước cửa chùa, giữa sân chùa, có khi cả trong chùa. Nhưng thường hát ở các sườn đồi hay giữa các đám ruộng hoặc trên những bờ đê bên cạnh chùa.



H. Hội Quan Họ



Hội hát Quan họ thường gắn với hội chùa. Cho nên chùa là nơi tụ hội và đón nhận khách Quan họ. Có tới 49 làng hát quan họ, phân bố trong bốn huyện, xã phía nam tỉnh Bắc Ninh. Nhưng nói tới Quan họ, người ta nghĩ ngay đến hội Lim. Lim là tên nôm của xã Lũng Giang xưa. Hội mở trên đồi, nơi có chùa Lim (chùa Hồng Ân). Hội Lim đông vui và nổi tiếng nhất trong các hội Quan họ. Hội mở vào ngày 13 tháng giêng, đúng phiên đầu

năm của chợ Lim. Đến hội Lim, khách du xuân được xem và nghe hát trên đồi, hát sau chùa, hát trên thuyền và hát trong các tư gia (hát trong nhà); lại có thể nghe hát đối từng cặp (đôi nam, đôi nữ), hoặc "bọn" nam, nữ. Hội Lim chính là hội chùa làng Lim và đôi bờ sông Tiêu Tương huyện Tiên Du. Hội Lim trở thành hội hàng tổng (hội vùng) vào thế kỷ 18. Khi quan trấn thủ xứ Thanh Hóa Nguyễn Đình Diễn là người thôn Đình Cả, Nội Duệ, xứ Kinh Bắc, có nhiều công lao với triều đình, được phong thưởng nhiều bổng lộc, đã tự hiến nhiều ruộng vườn và tiền của cho tổng Nội Duệ trùng tu đình chùa, mở mang hội hè, gìn giữ thuần phong mỹ tục. Ông còn cho xây dựng trước phần lăng mộ của mình đặt tên là lăng Hồng Vân trên núi Lim. Do có nhiều công lao với hàng tổng và việc ông đặt hậu ở chùa Hồng ân, nên khi ông mất nhân dân tổng Nội Duệ đã tôn thờ làm hậu thần, hậu Phật hàng tổng. Văn bia lăng Hồng Vân có tên Hồng Vân từ bi ký niên đại Cảnh Hưng 30 (1769) hiện giữ ở đình thôn Đình Cả đã cho biết khá rõ lai lịch, công trạng và việc thờ phụng hậu hàng tổng Nguyễn Đình Diễn mỗi năm hai dịp vào "ngày sinh" và "ngày hóa" của ông tại lăng Hồng Vân và chùa Hồng Ân trên núi Lim.

Hội Lim được mở từ ngày 12 đến 14 tháng giêng Âm lịch hàng năm, trong đó ngày 13 là chính hội, thường được kéo dài trong khoảng thời gian 3-5 ngày (11/1 - 15/1 Âm lịch). Hội Lim bao giờ cũng gồm 2 phần tách bạch: Lễ và Hội. Các làng Duệ Khánh, Đình Cả, Lộ Bao, Lũng Giang hội tụ thành một đoàn rước từ từ tiến vào trung tâm hội thu hút sự chú ý, quan tâm đặc biệt của hội. Đây là tâm điểm của phần Lễ, hoạt động tế lễ của các đoàn rước chính là chương trình khai hội. Ngày 13 mới là chính hội. Nhưng từ sớm ngày 12, đồi Lim - trung tâm lễ hội đã tưng bừng với các làn hát Quan họ và các trò chơi dân gian như: Thi tổ tôm điểm, đu tiên, vật, đập niêu, thi cờ người, dẹt cử hội, trò bịt mắt bắt dê và kéo co.

Lúc 8 giờ sáng ngày 13/1 Âm lịch, Hội Lim được mở đầu bằng lễ rước. Đoàn rước với đông đảo người dân tham gia trong những bộ lễ phục ngày xưa, sặc sỡ sắc màu và cũng vô cùng cầu kì, đẹp mắt kéo dài tới cả gần km. Trong ngày lễ, có nhiều nghi lễ và tục trò dân gian nổi tiếng, trong đó có tục hát thờ hậu. Toàn thể quan viên, hương lão, nam đình của các làng xã thuộc tổng Nội Duệ phải tề tựu đầy đủ tại lăng Hồng Vân để tế lễ hậu thần. Trong khi tế có nghi thức hát quan họ thờ thần. Để hát thờ, các liền anh, liền chị quan họ nam và nữ của tổng Nội Duệ đứng thành hàng trước cửa lăng hát vọng vào. Trong khi hát, họ chỉ được hát những giọng lễ lối để ca ngợi công lao của thần.

Hội Lim đi vào lịch sử và tồn tại và phát triển cho đến ngày nay được hàng tổng chuẩn bị tập rước rất chu đáo từ ngày 9 và 10, rồi được diễn ra từ ngày 11 đến hết ngày 14 tháng giêng. Chính hội là ngày 13, với các nghi thức rước, tế lễ các thành hoàng các làng, các danh thần liệt nữ của quê hương tại đền Cổ Lũng, lăng Hồng Vân, lăng quận công Đỗ Nguyên Thụy. Trong các nhà thờ họ Nguyễn, họ Đỗ ở làng Đình Cả, dâng hương cúng Phật, cúng bà mẹ Ả ở chùa Hồng Ân. Đặc sắc hơn cả là phần hát hội và là phần căn bản và đặc trưng nhất của hội Lim. Từ hát mời trâu, hát gọi đò đến con sáo sang sông, con nhện giăng mùng...

Hội thi hát diễn ra khoảng gần trưa, được tổ chức theo hình thức du thuyền hát quan họ. Tại một hồ nước nhỏ sát bên cánh đồng làng Lim, chiếc thuyền hình rồng được sơn son thiếp vàng rời bến trong những câu hát đậm đà nghĩa tình. Một bên thuyền là các liền chị, đối diện là những em nhỏ súng sính trong những tà áo tứ thân. Các liền anh thì đứng hoặc ngồi sát hai phía đầu và cuối thuyền. Tối ngày 12 sẽ là đêm hội hát thi quan họ giữa các làng quan họ. Mỗi làng quan họ có được dựng một trại tại phần sân rộng của đồi Lim. Đây là phần hội hay nhất của cả lễ hội Hội Lim.

Về với Hội Lim là về với một trời âm thanh, thơ và nhạc náo nức không gian đến xao xuyến lòng người. Những áo mớ bảy mớ ba, nón ba tầm, quạt thao, dải yếm lụa sồi, những ô lục soạn, khăn đóng, áo cặp the hoa gấm... như ẩn chứa cả sức sống mùa xuân của con người và tạo vật. Cách chơi hội của người quan họ vùng Lim cũng là cách chơi độc đáo, mỗi cử chỉ giao tiếp đã mang trong nó một sắc thái văn hoá cao. Lễ hội diễn ra khắp các làng xã trong tổng Nội Duệ, trung tâm là núi Hồng Vân, với nghi thức tế lễ rước xách uy nghiêm, hùng tráng và nhiều trò vui, đặc sắc mà hấp dẫn nhất là đánh cờ người, tổ tôm điểm, thi dẹt vải, thi làm cỗ và đón bạn, ca hát Quan họ.

Là lễ hội lớn của vùng Kinh Bắc, với những hoạt động phong phú của lễ và hội đã có nội dung và tầm cỡ lễ hội văn hóa dân gian Kinh Bắc, gần như hội đủ những hoạt động văn hóa nghệ thuật và tín ngưỡng tâm linh của các lễ hội trên vùng quê Bắc Ninh - mảnh đất có nhiều lễ hội dân gian.

Đến hội Lim, du khách được xem và nghe hát trên đồi, hát sau chùa, hát trên thuyền và hát trong các tư gia (hát trong nhà); lại có thể nghe hát đối từng cặp (đôi nam, đôi nữ), hoặc "bọn" nam, nữ.

Mời trầu

Nam: Ba quan i một chiếc là chiếc thuyền nan i,
có về là về với hội có gái ngoan gái ngoan tầm (tìm) chồng

N: Ô mấy dẫu tình rằng anh

Nam: cô cả cô hai nay đây ơ.

N: Anh cả anh hai nay đây ơ.

Nam: Ba quan i một chiếc là chiếc thuyền rồng
Có về là về với hội có cái công cái công đi tìm

N: Ô mấy dẫu tình rằng

Nam: cô cả cô hai có biết ko?

N: Anh cả anh hai vẫn còn không?

Nam: Ba quan i một chiếc là chiếc thuyền không
Có về là về với hội có bến sông bến sông bãi bồi

N: Ô mấy dẫu tình rằng,

Nam: Cô cả cô hai ở làng Đồi

N: anh cả anh hai ở làng Chanh.

Nam: Ba quan i một chiếc là chiếc thuyền màn i,
Có về là về với hội có cái danh cái danh với đời

N: Ô mấy dẫu tình mời,

Nam: cô cả cô hai ra hát chơi,

N: anh cả anh hai ra hát chơi

Nam: Ba quan i một chiếc là chiếc thuyền không,
Có về là về với với hội (có) bến sông (có a) con thuyền

N: Ô mấy dẫu tình rằng anh cả anh hai nay có duyên,

Nam: cô cả cô hai nay có duyên.

cả 2: Ô mấy dẫu tình rằng.ô mấy dẫu tình ơ!....

Nam: Trên trời – có đám mây xanh
Có con ngựa bạch chạy quanh i gầm í trời

N: Ô mấy dẫu tình rằng,ô mấy dẫu tình ơ

Nam: Đồi ta – muốn lấy nhau chơi
Nhưng cái duyên ko định thì trời ko xe

N: Ô mấy dẫu tình rằng,ô mấy dẫu tình ơ.

Nam: Những nơi tít tắp bờ tre (ô mấy dẫu tình ơ)
Nhưng cái duyên cứ định, trời xe anh vào (Ô mấy dẫu tình rằng,ô mấy dẫu tình ơ)

Nam: Ba đồng (Ba đồng) một sợi chỉ đào (một sợi chỉ đào)

Áo vóc không vá, vá vào áo tơ

N: ô mấy dẫu tình ơ

Túi lòng ì thiếp lấm chàng ơ, dẫu rằng lên ngược xuống xuôi lờ làng.

cả 2: Ô mấy dẫu tình rằng ô mấy dẫu tình ơ, Ô mấy dẫu tình rằng ô mấy dẫu tình ơ

Nói tự do:

*Gặp chàng dưới ánh trăng thanh,
Xin mời ăn miếng trầu xanh thăm nồng.
Trầu xanh, cau trắng, tranh hồng.
Đẹp duyên phải phận tơ hồng trời xe...*

Dạ! Xin mời anh Cả, anh Hai ăn với em miếng trầu...

Nam: *Ăn một miếng trầu gặp đây ăn một miếng trầu, không ăn ơ cầm lấy í, không ăn ơ cầm lấy í cho nhau bằng lòng,*

Trầu này trầu tính ở trầu tình, trầu này trầu tính i trầu tình.

Ăn vào cho đỡ ăn vào cho đỡ môi mình môi ta, miếng trầu là miếng trầu vàng.

N: *Đứng ở đằng xa yêu nhau i đứng ở đằng xa,
con mắt liếc lại í con mắt liếc lại í bằng ba đứng gần.*

Nam: *Anh còn son,*

N: *em cũng còn son. Anh còn son i, em i cũng ư còn son i*

cả 2: *Ước gì ta được ước a gì ta được í làm con một nhà.*

N: *Em về thưa với mẹ cha*

Nam: *Anh về thưa với mẹ cha*

cả 2: *ta về thưa với mẹ cha*

.....

Hội làng Phù Đổng



Trong một nội san của Edmonton Canada có nói về một vị linh mục đã soạn những bài thánh ca quan họ nhưng Sao Khuê chưa tìm ra được để viết cho quý vị đọc, vị nào tình cờ biết được xin cho biết.

Thưa quý độc giả nội dung của bài viết trên đây hoàn toàn tìm thấy trên mạng, Sao Khuê chỉ là người sắp xếp lại cho có thứ tự mạch lạc mà thôi.

Sao Khuê